TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 19 - 01- 2023.
V/v ly hôn giữa chị S và anh V.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Dương Thị Vui;
2. Ông Vũ Đức Khang.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2022/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Vũ Thị S (tức Vũ Thị Th), sinh năm 1984;
Địa chỉ: Xóm Đồng Lực, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.
* Bị đơn: Anh Trần Quang V, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Xóm Đồng Lực, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị S, vắng mặt anh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 06/8/2022 cũng như lời khai của nguyên đơn chị Vũ Thị S (tức Vũ Thị Th) tại phiên tòa thể hiện: Chị kết hôn với anh Trần Quang V vào tháng 10/2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện Gi, tỉnh Bạc Liêu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến

năm 2015 thì vợ chồng chuyển về xã N, huyện N, tỉnh Nam Định để sinh sống. Đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh V sống không chung thủy với chị và không quan tâm đến gia đình. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh V vẫn không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến tháng 4/2022 thì vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh V không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quang V.

Về con chung: Chị Vũ Thị S (tức Vũ Thị Th) xác định giữa chị và anh V có hai con chung là cháu Trần Nhựt Tr, sinh ngày 02/4/2012 và cháu Trần Nhật Qu, sinh ngày 26/5/2017. Hiện cháu Tr và cháu Qu đang do chị chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn chị S xin nhận trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu anh V phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị Vũ Thị S (tức Vũ Thị Th) không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí chị Vũ Thị S (tức Vũ Thị Th) đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay bị đơn anh Trần Quang V vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện N đã triệu tập anh Trần Quang V đến Tòa án để làm việc nhưng anh V không hợp tác. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện N cùng với chính quyền xã N đã tiến hành niêm yết đầy đủ những văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị S (tức Vũ Thị Th) và anh Trần Quang V; Về con chung: Giao cháu Trần Nhựt Tr, sinh ngày 02/4/2012 và cháu Trần Nhật Qu, sinh ngày 26/5/2017 cho chị Vũ Thị S (tức Vũ Thị Th) trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S; Về án phí dân sự sơ thẩm: chị S phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị S (tức Vũ Thị Th) và anh Trần Quang V đều cư trú tại xã N huyện N. Nay chị Vũ Thị S (tức Vũ Thị Th) xin ly hôn anh Trần Quang V và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Quang V vắng mặt nhưng anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V là phù hợp với khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Vũ Thị S (tức Vũ Thị Th) và anh Trần Quang V vào tháng 10 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện Gi, tỉnh Bạc Liêu là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V sống không chung thủy với chị S (Tức Th) và không quan tâm đến gia đình. Mặc dù chị S (Tức Th) đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh V vẫn không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị S (Tức Th) xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định đã tống đạt đầy đủ những văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện N cho anh Trần Quang V nhưng anh V cố tình vắng mặt và không có quan điểm gì về việc giải quyết vụ án. Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử xử ly hôn giữa chị S (Tức Th) và anh V.

Hội đồng xét xử thấy: Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S (Tức Th) và anh V đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị S xin ly hôn anh V thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị S (Tức Th) và anh Trần Quang V có hai con chung là cháu Trần Nhựt Tr, sinh ngày 02/4/2012 và cháu Trần Nhật Qu, sinh ngày 26/5/2017. Hiện cháu Tr và cháu Qu đang do chị S (Tức Th) chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn chị S (Tức Th) xin nhận trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu anh V phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Hội đồng xét xử thấy: Chị S (Tức Th) hiện đang làm công nhân có thu nhập ổn định, kể từ khi vợ chồng chị S (Tức Th) và anh V sống ly thân thì cháu Tr và cháu Qu đều do chị S chăm sóc nuôi dưỡng. Mặt khác cháu Tr có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy nên giao cháu Trần Nhựt Tr, sinh ngày 02/4/2012 và cháu

Trần Nhật Qu, sinh ngày 26/5/2017 cho chị Vũ Thị S (Tức Th) trực tiếp nuôi dưỡng. Việc chị S (Tức Th) không yêu cầu anh V phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Vũ Thị S (Tức Th) không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Vũ Thị S (Tức Th) phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1 - Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị S (Tức Vũ Thị Th) và anh Trần Quang V.

2 - Về con chung: Xử giao cháu hai con chung của vợ chồng là cháu Trần Nhựt Tr, sinh ngày 02/4/2012 và cháu Trần Nhật Qu, sinh ngày 26/5/2017 cho chị Vũ Thị S (Tức Vũ Thị Th) trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S (Tức Th). Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm chị Vũ Thị S (Tức Vũ Thị Th) phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S (Tức Th) đã nộp theo biên lai số 0000782 ngày 14/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị S (Tức Th) đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- UBND xã Ph,
huyện Gi, tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu văn phòng; HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương